

ĐỊA LÝ VIỆT NAM (tiếp theo)

ĐỊA LÝ DÂN CƯ

CHỦ ĐỀ 1: CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM.

DÂN SỐ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ

A. NỘI DUNG BÀI HỌC

I. CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

- Nước ta có 54 dân tộc cùng chung sống, gắn bó với nhau trong suốt quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước.
- Mỗi dân tộc có nét văn hóa riêng, thể hiện qua: ngôn ngữ, trang phục, phong tục tập quán...
- Dân tộc Việt (Kinh) có số dân đông nhất, có nhiều kinh nghiệm trong thâm canh lúa nước, có các nghề thủ công đạt mức độ tinh xảo, là lực lượng lao động chủ lực.
- Các dân tộc ít người có số dân và trình độ phát triển kinh tế khác nhau, chủ yếu làm nông nghiệp và nghề thủ công.
- Người Việt định cư ở nước ngoài cũng là một bộ phận của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

II. PHÂN BỐ CÁC DÂN TỘC:

1. Dân tộc Việt (Kinh)

Dân tộc Việt (Kinh) tập trung chủ yếu ở: đồng bằng, trung du và ven biển.

2. Các dân tộc ít người:

Các dân tộc ít người tập trung chủ yếu ở miền núi, cao nguyên.

III. SỐ DÂN:

Việt Nam là một quốc gia đông dân. Năm 2017, dân số nước ta là 93,70 triệu người, đứng thứ 7 Châu Á và thứ 3 Đông Nam Á.

IV. GIA TĂNG DÂN SỐ:

- Từ cuối những năm 50 của thế kỷ XX nước ta bắt đầu có hiện tượng bùng nổ dân số
- Nhờ thực hiện tốt chính sách dân số, phân bố dân cư hợp lý nên tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số có xu hướng giảm (nhưng mỗi năm vẫn tăng thêm khoảng 1 triệu người).
- Tỉ lệ gia tăng tự nhiên dân số có sự chênh lệch giữa các vùng miền (tỉ lệ gia tăng tự nhiên ở thành thị và các khu vực công nghiệp thấp hơn nhiều so với nông thôn và miền núi).

V. CƠ CẤU DÂN SỐ:

- Cơ cấu dân số theo độ tuổi đang có sự thay đổi:
- + Tỷ lệ trẻ em (0 → 14 tuổi) giảm xuống
- + Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động (15 → 59 tuổi) và trên tuổi lao động (60 trở lên) tăng lên

B. BÀI TẬP

Dựa vào bảng số liệu dưới đây:

Bảng tỉ suất sinh và tỉ suất tử của dân số nước ta, thời kì 2005-2017

Năm	2005	2010	2015	2017
Tỉ suất				
Tỉ suất sinh (‰)	18,6	17,1	16,2	14,9
Tỉ suất tử (‰)	5,3	6,8	6,8	6,8
Tỉ lệ gia tăng tự nhiên %				

Tính tỉ lệ (%) gia tăng tự nhiên của dân số qua các năm và nêu nhận xét.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

C. DẶN DÒ

- Xem lại nội dung chủ đề 1
- Đọc trước sgk chủ đề 2: Phân bố dân cư và các loại hình quần cư. Lao động và việc làm. Chất lượng cuộc sống

- Xem Tập bản đồ Địa lý 9 trang 5

PHIẾU HỌC TẬP

Câu 1. Quan sát Tập bản đồ trang “DÂN SỐ”, hãy cho biết dân cư tập trung đông đúc ở những vùng nào? Vì sao? Dân cư thưa thớt ở những vùng nào? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Hãy nêu những thay đổi của quần cư nông thôn mà em biết.

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Quan sát Tập bản đồ trang “DÂN SỐ”, hãy nêu nhận xét về sự phân bố các đô thị của nước ta. Giải thích.

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4. Em hãy cho biết những điểm khác biệt giữa quần cư đô thị và quần cư nông thôn.

.....

.....

.....

.....

.....